TOÀ ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN B** **TỈNH BẮC KẠN**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Số: 30/2020/QĐST-HNGĐ	*B, ngày 14 tháng 7 năm 2020*

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN VÀ SỰ THOẢ THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

Căn cứ hồ sơ vụ án Hôn nhân và gia đình thụ lý số: 25/2020/TLST/HNGĐ ngày 20 tháng 5 năm 2020 giữa:

* Nguyên đơn: Anh **Nông Văn A**, sinh năm 1986.

* Bị đơn: Chị **Hoàng Thị X**, sinh năm 1989.

Đều cư trú tại: Thôn Th, xã Ph, huyện B, tỉnh Bắc Kạn.

* Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: Ngân hàng chính sách xã hội. Địa chỉ: 169 LĐ, Phường H, quận HM, thành phố Hà Nội.

Người đại diện theo pháp luật: Ông **Dương Quyết Th** - Chức vụ: Tổng giám đốc.

Người đại diện theo ủy quyền: Ông **Đinh Việt Cg** - Chức vụ: Phó giám đốc Phòng giao dịch Ngân hàng chính sách xã hội huyện B, tỉnh Bắc Kạn.

Địa chỉ: T5, thị trấn C, huyện B, tỉnh Bắc Kạn.

Căn cứ vào Điều 212 và Điều 213 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ vào Điều 55, 81, 82 và Điều 83 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014;

Căn cứ vào Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự và khoản 7 Điều 26, khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội.

Căn cứ vào biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 06 tháng 7 năm 2020;

XÉT THẤY:

Việc thuận tình ly hôn và thoả thuận của các đương sự được ghi trong biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 06 tháng 7 năm 2020 là hoàn toàn tự nguyện, không trái điều cấm của pháp luật, không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thoả thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1.Công nhận thuận tình ly hôn giữa anh Nông Văn A và chị Hoàng Thị X.

2. Công nhận sự thỏa thuận của các đương sự, Cụ thể như sau:

* *Về quan hệ hôn nhân:* anh Nông Văn A và chị Hoàng Thị X thuận tình ly hôn.

* *Về con chung:* Anh Nông Văn A và chị Hoàng Thị X có 01 con chung tên là Nông Thùy A sinh ngày 19/01/2011. Con chung khỏe mạnh, phát triển bình thường. Anh Nông Văn A và chị Hoàng Thị X thỏa thuận, thống nhất sau khi ly hôn giao con chung cho chị Hoàng Thị X trực tiếp nuôi dưỡng, trông nom, chăm sóc và giáo dục con chung đến khi con đủ 18 tuổi. Không yêu cầu Tòa án giải quyết cấp dưỡng nuôi con chung.

Anh Nông Văn A có quyền đi lại thăm nom con chung theo quy định, không ai được cản trở. Vì lợi ích của con khi cần thiết các bên có quyền thay đổi người trực tiếp nuôi con hoặc thay đổi mức cấp dưỡng nuôi con.

***** *Về tài sản chung:* Anh Nông Văn A và chị Hoàng Thị X không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Tòa án không xem xét.

* *Về nợ chung:* Anh Nông Văn A và chị Hoàng Thị X và người đại diện hợp pháp của Phòng giao dịch Ngân hàng Chính sách xã hội huyện B, tỉnh Bắc Kạn thỏa thuận thống nhất:

Chị Hoàng Thị X có trách nhiệm trả cho Ngân hàng Chính sách xã hội huyện B, tỉnh Bắc Kạn số tiền 50.000.000đ *(Năm mươi triệu đồng)* và lãi suất phát sinh của khoản vay theo sổ vay vốn với các mã món vay sau:

* Mã món vay: 6600000711560807; Chương trình vay : Cho vay hộ nghèo; Dư nợ: 40.000.000đ *(Bốn mươi triệu đồng)*; Hạn cuối trả nợ: 06/11/2022; Lãi suất cho vay: 6,6%/năm (0,55%/ tháng).

* Mã món vay: 6600000711557950; Chương trình vay: Cho vay hộ nghèo; Dư nợ: 10.000.000đ *(Mười triệu đồng);* Hạn cuối trả nợ: 06/11/2022; Lãi xuất cho vay: 6,6%/ năm (0,55%/ tháng). Hỗ trợ lãi suất từ ngày 27/11/2017 đến hết ngày 27/11/2020 lãi suất 0,275%/tháng; từ ngày 28/11/2020 trở đi lãi suất 0,55%/ tháng.

* *Về cho vay nợ chung:* Không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Tòa án không xem xét.

* *Về án phí:* Anh Nông Văn A tự nguyện chịu toàn bộ án phí ly hôn sơ thẩm là 150.000đ *(Một trăm năm mươi nghìn đồng)* nhưng được trừ vào tiền tạm ứng án phí anh Nông Văn A đã nộp 300.000đ *(Ba trăm nghìn đồng)* theo biên lai thu tạm ứng án phí số 03736 ngày 20/05/2020 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Ba Bể. Anh Nông Văn A được hoàn trả lại số tiền 150.000đ *(Một trăm năm mươi nghìn đồng)*. Xác nhận anh Nông Văn A đã nộp đủ án phí.

Trong trường hợp quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6,7 và 9 Luật

Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh + Biên bản ghi nhận (1b);
- Viện kiểm sát nhân dân huyện B (2b);
- Chi cục THADS huyện B (1b);
- UBND xã Ph, huyện B (1B);
- Các đương sự (3b);
- Lưu hồ sơ vụ án.

THẨM PHÁN

Hoàng Anh Tuấn